| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 04/01/2023
V/v *tranh chấp hợp đồng góp hụi*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Ngọc Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST - DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 11, khóm Long Qu C, phường L P, thị xã T Ch, tỉnh A Gi (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Th H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Phú A A, xã Ph V, thị xã T Ch, tỉnh A Gi (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Trần Thị Ng trình bày:* Bà là chủ hụi, bà H có vào các dây hụi do bà làm chủ như sau:

- Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khởi sự ngày 05/5/2011 AL, hụi gồm 24 phần, bà H vào 01 phần. Hụi khui đến lần thứ 6 (ngày 05/10/2011 AL) bà H bỏ hụi 250.000 đồng. Hốt được số tiền 18.500.000 đồng. Sau khi hốt Bà H có chầu lại hụi chết được 07 lần, còn lại 11 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà H còn nợ bà là 11.000.000 đồng. Hụi hưởng huê H là 400.000 đồng/lần khui hụi.

- Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khởi sự ngày 25/10/2011 AL, hụi gồm 16 phần, bà H vào 01 phần. Hụi khui đến lần thứ 5 (ngày 25/02/2012 AL) bà H bỏ hụi 270.000 đồng. Hốt được số tiền 12.030.000 đồng. Sau khi hốt Bà H có chầu lại hụi chết được 06 lần, còn lại 05 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà H còn nợ bà là 5.000.000 đồng. Hụi hưởng huê H là 400.000 đồng/lần khui hụi.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khởi sự ngày 15/12/2011 AL, hụi gồm 24 phần, bà H vào 01 phần. Hụi khui đến lần thứ 8 (ngày 15/7/2012 AL) bà H bỏ hụi 260.000 đồng. Hốt được số tiền 18.840.000 đồng. Sau khi hốt bà H có chầu lại hụi chết 09 lần, còn lại 07 lần hụi chết thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà H còn nợ bà là 7.000.000 đồng. Hụi hưởng huê H là 400.000 đồng/lần khui hụi.

- Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khởi sự ngày 09/6/2012 AL, hụi gồm 25 phần, bà H vào 01 phần. Hụi khui đến lần thứ 2 (ngày 09/7/2012 AL) bà H bỏ hụi 360.000 đồng. Hốt được số tiền 15.720.000 đồng. Sau khi hốt bà H có chầu lại hụi chết được 06 lần, còn lại 17 lần thì ngưng. Như vậy dây hụi này bà H còn nợ bà là 17.000.000 đồng. Hụi hưởng huê H là 400.000 đồng/lần khui hụi.

- Dây hụi thứ 5: Hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khởi sự ngày 20/11/2012 AL, hụi gồm 21 phần, bà H vào 01 phần. Hụi khui đến lần thứ 2 (ngày 20/12/2012 AL) bà H bỏ hụi 400.000 đồng. Hốt được số tiền 31.400.000 đồng. Sau khi hốt bà H không có chầu lại hụi chết. Như vậy dây hụi này bà H còn nợ bà 19 lần hụi chết là 38.000.000 đồng. Hụi hưởng huê H là 800.000 đồng/lần khui hụi.

Tổng số nợ các dây hụi bà H nợ bà là 78.000.000 đồng.

Vào ngày 24/12/2012AL bà H có đến nhà bà nhờ bà hỏi vay dùm số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay bà H không có trả vốn và lãi cho bà. Đối với số tiền này bà yêu cầu bà H trả lại tiền vốn vay cho bà, bà không yêu cầu tính lãi.

Tổng nợ hụi và nợ vay là 98.000.000 đồng.

Đến khoảng giữa năm 2013 bà H có trả cho bà được 02 lần với số tiền là 19.000.000 đồng (không nhớ cụ thể ngày, tháng trả), khoảng 03 tháng sau thì bà H có trả cho bà được thêm 4.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2022 AL bà H có trả cho bà được 20.000.000 đồng, bà H nói trả số tiền nhờ vay dùm. Tổng cộng số tiền bà H đã trả cho bà được 43.000.000 đồng. Như vậy bà H còn nợ bà số tiền hụi là 55.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ng xin được rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 20.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu bà Ngh trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 55.000.000 đồng.

- Theo bản tự khai ngày 13/9/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2022, bà Phan Thị Th H trình bày: Bà thừa nhận bà có nợ tiền vay của bà

Ngh là 20.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 55.000.000 đồng. Đối với số tiền vay thì bà đã trả cho bà Ngh xong. Hiện nay bà còn nợ tiền hụi của bà Ngh số tiền là 55.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả cho bà Ngh mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu không tính lãi.

Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Phan Thị Th H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong qúa trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hợp đồng vay tài sản; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Phan Thị Th H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 55.000.000 đồng và buộc bà Phan Thị Th H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Trần Thị Ng khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản với bà Phan Thị Th H có nơi cư trú tại ấp Phú A A, xã Ph V, thị xã T Ch, tỉnh A Gi. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T Ch theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Về Thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị Ng và bà Phan Thị Th H chơi hụi với nhau từ năm 2011 cho đến ngày 20/12/2012 AL thì bà H ngưng không chầu hụi chết cho bà Ngh do bà H bể nợ nên lánh mặt. Đến năm 2012 thì bà H có trả cho bà Ngh được 03 lần với tổng số tiền là 23.000.000 đồng và lần trả cuối cùng là vào ngày 10/5/2022AL trả 20.000.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 09/8/2022 bà Ngh làm đơn khởi kiện bà H nên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị Th H đã được Tòa án nhân dân thị xã T Chtriệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung:

[1] Về số nợ: Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với nhau về số tiền hụi bị đơn còn nợ nguyên đơn là 55.000.000 đồng. Về thời gian và phương thức trả các bên không thỏa thuận được với nhau. Bà Ngh yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà một lần số tiền là 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H cho rằng hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay đang gặp khó khăn, bà xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà Ngh không đồng ý. Hội đồng xét xử xét, yêu cầu trả dần của bà H là gây thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngh. Xét, không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà Phan Thị Th H. Buộc bà Phan Thị Th H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ng số tiền hụi là 55.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 471 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của bà Phan Thị Th H trả 500.000 đồng/tháng, không được phía nguyên đơn chấp nhận vì không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ng, tại phiên toà bà Ngh khai, bà H đã trả cho bà số tiền vay trên và bà có yêu cầu xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số nợ vay 20.000.000 đồng. HĐXX xét, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về lãi suất: Tại phiên toà, bà Ngh chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số tiền nợ hụi còn nợ là 55.000.000 đồng, bà không có yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Th H phải chịu 2.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Ngh.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các*

*Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Phan Thị Th H phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 55.000.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Th H phải chịu 2.750.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ng 1.375.000 đồng *(Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009480 ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Ng có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phan Thị Th H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V. phòng.

**Huỳnh Ngọc Lan**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**Huỳnh Ngọc Lan**